

Số: /BC-LĐTBOXH

Quảng Nam, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Nội dung phục vụ chất vấn tại kỳ họp thứ hai mươi bốn, HĐND tỉnh khóa X

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại điểm d khoản 1 Công văn số 5009/UBND-TH ngày 05/7/2024 về việc tham mưu và trả lời nội dung chất vấn tại kỳ họp thứ 24, HĐND tỉnh khóa X (kỳ họp thường lệ giữa năm 2024): “d) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu nội dung: Việc thực hiện các chính sách giảm nghèo, tác động của chính sách trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm; khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện miền núi.”.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững) báo cáo như sau:

I. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo, tác động của chính sách trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm

1. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (tính đến tháng 6/2024)

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 90/QĐ-TTg. ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Căn cứ các văn bản quy định, hướng dẫn của Chính phủ, của các Bộ ngành trung ương trong tổ chức, thực hiện Chương trình, UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các nghị quyết, đồng thời ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo điều hành (Quyết định, kế hoạch, công văn...) thực hiện Chương trình kịp thời, đúng thẩm quyền và quyết liệt; thường xuyên họp giao ban Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, tổ chức các đoàn kiểm tra về tình hình thực hiện tại các địa phương, nhất là các huyện nghèo để giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn Chương trình.

a) Tổng kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững sử dụng năm 2024 (chưa tính ngân sách huyện đối ứng): 1.271,096 tỷ đồng (Ngân sách trung ương: 1.105,906 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 640,963 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 464,944 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh 165,190 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 108,760 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 56,430 tỷ đồng)¹, trong đó:

- Vốn năm 2022 và năm 2023 kéo dài sang năm 2024 tiếp tục thực hiện (chưa tính ngân sách huyện đối ứng): 528,809 tỷ đồng (Ngân sách trung ương: 441,067 tỷ

¹ Tổng kinh phí ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh phân bổ 03 năm (2022-2024) thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 là **1.981,628507 tỷ đồng** (Vốn đầu tư phát triển 1.280,396990 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 701,231517 tỷ đồng). Cụ thể: Ngân sách trung ương: 1.772,569 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 1.141,377 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 631,192 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 209,059507 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 139,019990 tỷ đồng; Vốn sự nghiệp: 70,039517 tỷ đồng.

đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 267,048 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 165,020 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh 87,742 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 64,223 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 23,519 tỷ đồng).

- **Vốn kế hoạch năm 2024: 742,287 tỷ đồng** (Ngân sách trung ương: 664,839 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 364,915 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 299,924 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh 77,448 tỷ đồng, gồm: Vốn đầu tư phát triển 44,537 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 32,911 tỷ đồng).

UBND tỉnh đã phân bổ: **726,204/742,287** tỷ đồng (chưa tính ngân sách huyện đối ứng), đạt tỷ lệ 97,83%; trong đó: Vốn ĐTPT: 398,383/409,452 tỷ đồng (tỷ lệ 97,3%); vốn SN: 327,821/332,835 tỷ đồng (tỷ lệ 98,49%). Vốn còn lại chưa phân bổ: **16,024 tỷ đồng** (vốn ĐTPT: 11,069 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 4,955356 tỷ đồng), gồm:

+ *Vốn đầu tư phát triển năm 2024 chưa phân bổ* (thực hiện Dự án 4): **11,069 tỷ đồng** (Ngân sách trung ương: 9,617 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 1,452 tỷ đồng), cụ thể: Tiêu Dự án 1 – Dự án 4: 5,753 tỷ đồng (Ngân sách trung ương: 4,994 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 0,759 tỷ đồng); Tiêu Dự án 3 - Dự án 4: 5,316 tỷ đồng (Ngân sách trung ương: 4,623 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 0,693 tỷ đồng).

+ *Vốn sự nghiệp năm 2024 chưa phân bổ: 4,955 tỷ đồng*, gồm: Ngân sách trung ương: 4,485 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 0,470 tỷ đồng, trong đó: Tiêu dự án 1 - Dự án 6: **4,950 tỷ đồng** (NSTW: 4,480 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh: 0,470 tỷ đồng) và Dự án 5: **5 triệu đồng** (NSTW).

b) Kết quả giải ngân vốn Chương trình đến 30/6/2024

- *Đối với nguồn vốn năm 2022 và năm 2023 kéo dài sang năm 2024 tiếp tục thực hiện*: Từ đầu năm 2024 đến hôm nay, toàn tỉnh đã giải ngân được **102.171/528.809** triệu đồng, đạt tỷ lệ **19%**, gồm: vốn đầu tư giải ngân 74.450/340.271 triệu đồng (đạt tỷ lệ 22%); vốn sự nghiệp giải ngân 27.720/188.539 triệu đồng (đạt tỷ lệ 15%).

- *Đối với kế hoạch vốn năm 2024*: Đến nay, đã giải ngân được 46.523/742.287 triệu đồng, đạt tỷ lệ 6%, gồm: vốn đầu tư giải ngân 46.523/409.452 triệu đồng (đạt tỷ lệ 11%); vốn sự nghiệp chưa giải ngân, các đơn vị, địa phương đang xây dựng kế hoạch, dự toán chi tiết để triển khai thực hiện. Dự kiến sẽ giải ngân từ tháng 7/2024 (vì tập trung giải ngân vốn 2022 và 2023 kéo dài sang năm 2024 theo chỉ đạo của UBND tỉnh).

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III đính kèm)

2.. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo của Quốc gia và của tỉnh Quảng Nam ban hành

UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định và có hiệu quả các chính sách giảm nghèo thường xuyên của quốc gia trong giai đoạn 2021-2023 theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, như: chính sách tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động, y tế, giáo dục, nhà ở, trợ giúp pháp lý,...; trong đó, đã phân bổ 12,95 tỷ đồng cho các địa phương để thực hiện đào tạo lao động theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng

Chính phủ; tổ chức đưa 3.257 lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài; thực hiện cấp miễn phí 205.847 thẻ BHYT cho người nghèo, kinh phí 134,946 tỷ đồng; 359.161 người DTTS, người dân sinh sống ở vùng có điều kiện KTXH ĐBKK, xã đảo, huyện đảo, kinh phí 244,515 tỷ đồng; hỗ trợ đóng BHYT cho 37.792 người cận nghèo, kinh phí 23,460 tỷ đồng; cấp 46.224 thẻ BHYT cho đối tượng thoát nghèo, thoát cận nghèo, kinh phí: 29,888 tỷ đồng....

Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Nam ban hành cũng được UBND tỉnh chỉ đạo triển khai kịp thời, hiệu quả; trong đó, UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững cho hộ nghèo, cận nghèo được UBND cấp xã quyết định công nhận thoát nghèo theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017 của HĐND tỉnh, kinh phí thực hiện 252,899 tỷ đồng; phân bổ (2021) 2,040 tỷ đồng thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ giảm nghèo cấp xã theo Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh để chi hỗ trợ hàng tháng đối với 196 người được phân công theo dõi, thực hiện công tác giảm nghèo và 196 cộng tác viên giảm nghèo cấp xã theo quy định; phân bổ 60,825 tỷ đồng thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho một số đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội theo Nghị quyết số 49/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018, Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 của HĐND tỉnh; phân bổ 41,852 tỷ đồng thực hiện chính sách tại cộng đồng cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 củ HĐND tỉnh; phân bổ trên 80 tỷ đồng để thực hiện Chính sách hỗ trợ xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh và Chính sách hỗ trợ xây dựng chòi/phòng trú bão, lũ, lụt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh; phân bổ trên 06 tỷ đồng để thực hiện Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025 theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh ..., qua đó góp phần cải thiện đáng kể đời sống của người nghèo, mới thoát nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội, người có công thuộc hộ nghèo, góp phần rất lớn trong việc giảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chương trình tín dụng chính sách xã hội đối với công tác giảm nghèo, từ năm 2021 - 2024, nguồn vốn tín dụng chính sách đã được triển khai bao phủ đến 100% xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh. Đến nay đã có 162.262 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ Ngân hàng CSXH; trong đó, đã hỗ trợ cho hơn 57.071 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo vay vốn, doanh số cho vay 3.076.142 triệu đồng; tạo việc làm cho hơn 41.235 lao động, hỗ trợ 393 lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; giúp 7.632 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn phục vụ học tập; xây dựng, cải tạo 72.800 công trình nước sạch và vệ sinh; 1.280 ngôi nhà xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP, nhất là cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, phục hồi sản xuất đối với người lao động do Covid-19 số tiền 1.730 triệu đồng với 08 doanh nghiệp được vay vốn, qua đó đã góp phần quan

trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra, đặc biệt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

3. Tác động của các chính sách trong việc giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm từ năm 2021 đến nay

Thông qua việc thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo của Trung ương và của tỉnh đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của tỉnh từ 7,59% năm 2021 xuống còn 5,57% năm 2023, bình quân mỗi năm giảm được 1,01%; trong đó, tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện miền núi giảm từ 30,95% năm 2021 xuống còn 22,05% năm 2023, bình quân mỗi năm giảm được 4,45% (các huyện nghèo giảm từ 52,21% năm 2021 xuống còn 36,37% năm 2023, bình quân mỗi năm giảm được 7,92%) (*chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm*). Ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người dân trong công tác giảm nghèo được nâng lên, nhiều hộ nghèo tự nguyện đăng ký thoát nghèo bền vững. Việc huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo được tăng cường. Các chính sách giảm nghèo được các ngành, địa phương tổ chức thực hiện kịp thời, nhiều địa phương có cách làm hay, sáng tạo và hiệu quả. Các huyện nghèo, xã và thôn đặc biệt khó khăn đã được ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hộ thoát nghèo bền vững tiếp tục được động viên, tiếp sức, hỗ trợ về y tế, giáo dục, hỗ trợ vay vốn, lãi suất... sau khi thoát nghèo. Hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ các điều kiện để cải thiện tiêu chí thu nhập thông qua chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm và thu nhập, được hỗ trợ cải thiện các dịch vụ xã hội cơ bản để đảm bảo cuộc sống theo hướng toàn diện, tiếp cận đa chiều, đồng thời góp phần cải thiện và giảm đáng kể các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cụ thể như sau:

TT	Năm	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025											
			Việc làm	Người phụ thuộc trong hộ gia đình	Dinh dưỡng	Bảo hiểm y tế	Trình độ giáo dục người lớn	Tình trạng đi học của trẻ em	Chất lượng nhà ở	Diện tích nhà ở	Nguồn nước sinh hoạt	Hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	Sử dụng dịch vụ viễn thông	Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin
1	Năm 2021	33.127	14.285	9.403	13.861	7.390	12.274	4.281	8.072	9.767	5.982	17.066	19.833	14.660
2	Năm 2023	24.669	6.498	5.890	7.411	5.544	6.614	2.524	7.841	7.391	5.515	12.062	11.459	8.864
Năm 2023 giảm so với năm 2021		-8.458	-7.787	-3.513	-6.450	-1.836	-5.660	-1.757	-231	-2.376	-467	-5.004	-8.374	-5.796

II. Những khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện miền núi

1. Khó khăn, vướng mắc

a) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh còn cao (cuối 2023 còn 5,57%) và khá chênh lệch giữa 02 khu vực (Đồng bằng còn 1,48%; miền núi còn 22,05%, trong đó, xu hướng nghèo đa chiều tập trung tại 06 huyện nghèo với tỷ lệ 36,37% và tập trung ở nhóm hộ nghèo dân tộc thiểu số (16.792 hộ/24.667 hộ nghèo toàn tỉnh, chiếm tỷ trọng 68,07% trong tổng số hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh) nhưng đây là nơi có điều kiện kinh tế - xã hội rất khó khăn, kiến thức sản xuất còn nhiều hạn chế, ý thức tự lực vươn lên trong cuộc sống của một bộ phận hộ dân chưa cao, vẫn còn một bộ phận người dân và chính quyền địa phương không muốn thoát nghèo để hưởng cơ chế, chính sách; vai trò của chính quyền và các hội, đoàn thể ở một số địa phương, cơ sở chưa phát huy và chưa thực sự là chỗ dựa cho hộ nghèo trong thực hiện công cuộc giảm nghèo. Kết quả giảm nghèo ở một số địa phương chưa thực sự bền vững, còn tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới (Có 155 hộ tái nghèo và 581 hộ nghèo phát sinh mới trong giai đoạn 2022-2023).

b) Về cơ chế, chính sách, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành chậm, nguồn kinh phí trung ương phân bổ tương đối lớn, tập trung nhiều ở các địa bàn nghèo (huyện nghèo, xã và thôn đặc biệt khó khăn), năm đầu triển khai Chương trình bố trí vốn chậm, một số dự án, tiểu dự án ngân sách trung ương chưa bố trí², đến năm 2023 mới bố trí; một số dự án bố trí vốn quá nhiều trong khi nhu cầu thực hiện thấp, dẫn đến kết quả giải ngân thấp; một số văn bản trung ương ban hành chậm, sửa đổi bổ sung mới thực hiện được, có nội dung quy định khó thực hiện và chưa rõ, đến nay chưa được quy định, hướng dẫn hoặc điều chỉnh (quy định người lao động có thu nhập thấp, mức hỗ trợ học nghề...). Các chính sách giảm nghèo thường xuyên hỗ trợ trực tiếp đến cá nhân, hộ gia đình nghèo, cận nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, tiền điện, trợ cấp xã hội đã ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh thực hiện mục tiêu và các giải pháp giảm nghèo bền vững, nhất là trên địa bàn huyện nghèo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Về bố trí ngân sách thực hiện chương trình, chính sách giảm nghèo, đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh đã cân đối, bố trí đủ cho các địa phương thực hiện Chương trình, tuy nhiên đến nay một số địa phương chưa bố trí kịp thời phần vốn đối ứng ngân sách địa phương (huyện, xã) theo đúng quy định của HĐND tỉnh Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; chính sách bảo trợ xã hội đối với đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác ngoài quy định của trung ương do HĐND tỉnh quy định tại Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND phát sinh kinh phí nhiều do đối tượng tăng, chi trả chế độ chưa kịp thời, có nơi địa phương thông báo tạm dừng chi trả chờ ngân sách tỉnh bố trí là chưa phù hợp với quy định; chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho đối tượng là người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn cách mạng quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ chưa được hướng dẫn, bố trí kinh phí cho ngành Lao

² Tiểu dự án 2 Dự án 3 về cải thiện dinh dưỡng; tiểu dự án 2 Dự án 1 về Đề án hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, ĐBK và Dự án 5 về hỗ trợ xã dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo.

động - Thương binh và Xã hội để thanh toán cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định 75/2023/NĐ-CP của Chính phủ³.

d) Nguồn nhân lực (cán bộ, công chức) trực tiếp tham mưu thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, trong đó có triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 không đáp ứng yêu cầu, ở cấp tỉnh chỉ có 04 biên chế công chức thực hiện chuyên trách tại Văn phòng Chương trình hỗ trợ giảm nghèo; ở cấp huyện thì biên chế công chức phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quá ít (nhiều nhất 09 biên chế, ít nhất là 05 biên chế), do đó chỉ thực hiện kiêm nhiệm; ở cấp xã chỉ có 01 công chức Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tất cả nhiệm vụ của ngành, trong đó có theo dõi, thực hiện các chính sách, hoạt động giảm nghèo, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; bên cạnh đó, đồng thời triển khai 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh, nhất là địa bàn nghèo với nguồn kinh phí khá lớn, dự án nhiều, cơ chế tổ chức thực hiện phức tạp, nhân lực ít từ đó dẫn đến kết quả thực hiện, giải ngân vốn hạn chế.

2. Giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn các huyện miền núi

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được thời gian qua, khắc phục những tồn tại hạn chế, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc nêu trên, nhằm đẩy mạnh thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, đạt mục tiêu đề ra đến cuối năm 2025 đối với khu vực miền núi và vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến, cần tập trung chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

Một là, các cấp uỷ đảng, chính quyền, MTTQ và của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp ở địa phương miền núi cần tiếp tục tăng cường vai trò, trách nhiệm hơn nữa trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phối hợp, tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo, nhất là phát huy vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021, Kết luận số 584-KL/TU ngày 16/4/2024 của Tỉnh uỷ và các Chương trình, kế hoạch của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách, huy động và bố trí cán bộ theo dõi, thực hiện công tác giảm nghèo có năng lực, ổn định, lâu dài (ở cấp huyện, cấp xã) để đảm bảo tham mưu cấp uỷ, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo phù hợp với thực trạng nghèo và tình hình thực tế của từng địa phương.

Hai là, tiếp tục đầu tư, đổi mới nội dung, hình thức, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức, chủ động, trách nhiệm trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; làm thay đổi tư duy, nhận thức về giảm nghèo, thoát nghèo để người nghèo,

³ của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam đã có Công văn số 1209/BHXH-QLTST ngày 20/6/20 về việc báo cáo số liệu cấp thẻ BHYT của người dân các xã an toàn khu, vùng an toàn cách mạng quy định tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP và kinh phí chậm đóng đến 31/05/2024

hộ nghèo nhận thấy được trách nhiệm thoát nghèo là trách nhiệm, nghĩa vụ và cũng là quyền lợi chính của gia đình; Nhà nước và xã hội chỉ hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho gia đình để thực hiện kế hoạch thoát nghèo, tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại. Đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng, phát huy các gương thoát nghèo, mô hình, điển hình thoát nghèo. Tiếp tục phát động các phong trào, cuộc vận động giúp giảm nghèo bền vững, nhất là cuộc vận động làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm trong đồng bào dân tộc thiểu số, Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025 để huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Ba là, tổ chức thực hiện tốt công tác rà soát, phân loại, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để có giải pháp hỗ trợ cụ thể, phù hợp, giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững theo từng hoàn cảnh, nguyên nhân nghèo, điều kiện và nguyện vọng cần hỗ trợ của hộ nghèo. Thực hiện thống kê, phân loại hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số của 6 dịch vụ xã hội cơ bản (số lượng chỉ số thiếu hụt, loại chỉ số thiếu hụt) của từng hộ nghèo để tập trung nguồn lực hỗ trợ hộ thoát nghèo.

Bốn là, tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; gắn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 nhằm đạt đa mục tiêu của 03 Chương trình, trong đó có mục tiêu giảm nghèo bền vững khu vực miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

Năm là, tiếp tục rà soát các chính sách giảm nghèo để nghiên cứu, xây dựng các Đề án, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành các Nghị quyết chuyên đề để đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đáp ứng chuẩn nghèo đa chiều từng giai đoạn, trước mắt là giai đoạn 2022-2025 theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/5/2021, Kết luận số 584-KL/TU ngày 16/4/2024 của Tỉnh uỷ và Chương trình số 01-CTr/BCĐ ngày 05/4/2022 của BCĐ xây dựng và phát triển vùng Tây tỉnh Quảng Nam; trong đó, tập trung xây dựng đề án, nghị quyết đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn miền núi, trọng tâm là các huyện nghèo, ưu tiên ban hành các chính sách hỗ trợ có điều kiện và khuyến khích thoát nghèo bền vững.

Nghiên cứu, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung chính sách của tỉnh đủ mạnh nhằm thu hút, khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình, dự án giảm nghèo, phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập cho người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số; Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích ưu đãi hơn nữa đối với doanh nghiệp vào đầu tư ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh. Tăng nguồn vốn ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội phục vụ cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, cải thiện các dịch vụ xã hội cơ bản.

Sáu là, tăng cường huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững cho các huyện miền núi, vùng DTTS, nhất là cho các huyện nghèo và xã nghèo; đảm bảo vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG (giảm nghèo bền vững; phát triển KTXH vùng DTTS và miền núi, xây dựng nông thôn mới). Tăng nguồn vốn tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác theo tinh thần Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021, Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư.

Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác kết nghĩa, giúp đỡ các xã miền núi trên tinh thần thiết thực, hiệu quả theo Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 22/10/2012 của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 1100/KH-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh; trong đó, hạn chế cho, tặng quà để tập trung nguồn lực hỗ trợ địa phương phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng và hỗ trợ cho hộ nghèo để thoát nghèo bền vững. Các địa phương miền núi chủ động, tích cực tiếp cận các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp để huy động nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo, nhận giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo, thôn, xã nghèo và huyện nghèo. Tăng cường lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn huy động thực hiện các công tác giảm nghèo, trong đó gắn việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dự án đa dạng sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo với các nguồn lực huy động khác thực hiện hỗ trợ hộ thoát nghèo bền vững.

Bảy là, chú trọng công tác cán bộ, nhất là quan tâm bố trí cán bộ làm công tác giảm nghèo, đảm bảo bố trí có người làm, người năng lực, tâm huyết, trách nhiệm và có sự ổn định nhất định (tránh thay đổi liên tục); quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, người dân trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

Trên đây là báo cáo nội dung chất vấn tại kỳ họp thứ hai mươi bốn, HĐND tỉnh khóa X, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh theo chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Trần Anh Tuấn;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, BTXH, VPGN.

GIÁM ĐỐC

Trương Thị Lộc